

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 24/10/2025

7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,287,190,000	95.26%
1	ACB	2,100	3.88%
2	BID	100	0.27%
3	BVH	100	0.37%
4	CII	200	0.41%
5	CMG	100	0.28%
6	CTG	400	1.47%
7	DBC	100	0.19%
8	DCM	100	0.25%
9	DGC	100	0.67%
10	DGW	100	0.29%
11	DIG	300	0.49%
12	DPM	200	0.34%
13	DXG	400	0.59%
14	EIB	700	1.20%
15	EVF	300	0.29%
16	FPT	600	4.22%
17	FRT	100	1.05%
18	FTS	100	0.24%
19	GAS	100	0.44%
20	GEX	300	1.19%
21	GMD	200	1.00%

22	GVR	100	0.19%
23	HAG	300	0.35%
24	HCM	300	0.54%
25	HDB	1,200	2.93%
26	HDG	100	0.23%
27	HHV	200	0.22%
28	HPG	2,000	3.92%
29	HSG	200	0.24%
30	KBC	200	0.50%
31	KDC	100	0.39%
32	KDH	300	0.74%
33	LPB	1,300	4.94%
34	MBB	2,000	3.73%
35	MSB	900	0.83%
36	MSN	400	2.31%
37	MWG	500	3.17%
38	NAB	700	0.74%
39	NKG	200	0.24%
40	NLG	100	0.28%
41	OCB	300	0.29%
42	PAN	100	0.22%
43	PC1	100	0.16%
44	PDR	200	0.35%
45	PLX	100	0.25%
46	PNJ	100	0.68%
47	POW	300	0.30%
48	PVD	100	0.15%
49	PVT	100	0.13%
50	REE	100	0.46%
51	SAB	100	0.34%
52	SHB	1,600	1.98%
53	SSB	700	0.94%
54	SSI	700	1.94%
55	STB	900	3.70%
56	TCB	1,800	4.96%
57	TCH	300	0.49%
58	TPB	700	0.92%
59	VCB	400	1.77%
60	VCG	200	0.38%
61	VCI	200	0.54%
62	VHM	600	5.11%
63	VIB	800	1.10%
64	VIC	700	11.14%

65	VIX	700	1.71%
66	VJC	100	1.36%
67	VND	500	0.76%
68	VNM	400	1.68%
69	VPB	2,100	4.66%
70	VRE	400	1.17%
II.	Tiền/Cash (VND)	64,000,683	4.74%
III.	Tổng/Total	1,351,190,683	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) 1,287,190,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND) 1,351,190,683

Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) 64,000,683

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

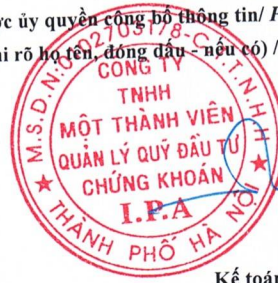
STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	36,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	95,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	67,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	85,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	92,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	62,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	37,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	30,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	20,500	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

3178-
G TY
NH
ANH V
QUY Đ
G KHO
P.A
HỒ H

Dại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan

